

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2459/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 17 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**V/v duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023
huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ (lần 2)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 và Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Phú Thọ về việc thông qua Danh mục các dự án quốc phòng, dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải thu hồi đất; danh mục các dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh chấp thuận; danh mục các dự án chuyển tiếp tại Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh; danh mục các dự án điều chỉnh, bổ sung tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh đang còn hiệu lực; danh mục các dự án thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ chấp thuận;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Phú Thọ về việc thông qua Danh mục các dự án quốc phòng, dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải thu hồi đất; danh mục các dự án có sử dụng đất trồng lúa phải chuyển mục đích thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh chấp thuận; danh mục các dự án chuyển tiếp tại Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 16/7/2019 của HĐND tỉnh; danh mục các dự án điều chỉnh, bổ sung tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh đang còn hiệu lực; danh mục các dự án thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ chấp thuận;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Phú Thọ về việc thông qua Danh mục các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải thu hồi đất; danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng

đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh chấp thuận; danh mục các dự án chuyển tiếp tại Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 26/8/2019, Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 14/11/2019, Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 14/12/2019 của HĐND tỉnh; danh mục các dự án điều chỉnh, bổ sung tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh đang còn hiệu lực; danh mục các dự án thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ chấp thuận;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ về việc thông qua danh mục các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng phải thu hồi đất; danh mục các dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích đất trồng lúa thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh chấp thuận; danh mục các dự án chuyển tiếp tại Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh; danh mục các dự án điều chỉnh, bổ sung tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh đang còn hiệu lực; danh mục các dự án chuyển mục đích đất trồng lúa thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ chấp thuận;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ về việc quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 3566/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất 2023 huyện Đoan Hùng; Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất 2023 huyện Đoan Hùng (lần 1);

Theo đề nghị của UBND huyện Đoan Hùng (Tờ trình số 1764/TTr-UBND ngày 08/11/2023) và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (Tờ trình số 648/TTr-TNMT ngày 15/11/2023).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Đoan Hùng với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất:

- Diện tích đất nông nghiệp là 25.209,83 ha, giảm so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 17,32 ha, trong đó:

+ Diện tích đất trồng lúa là 3.893,57 ha, giảm 15,72 ha (trong đó: đất chuyên trồng lúa nước là 2.738,39 ha, giảm 15,42 ha);

+ Diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 927,22 ha, giảm 5,97 ha;

+ Diện tích đất trồng cây lâu năm là 7.056,54 ha, tăng 5,32 ha;

+ Đất rừng sản xuất là 12.116,09 ha, giảm 0,75 ha;

+ Diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 312,98 ha, giảm 0,20 ha.

- Diện tích đất phi nông nghiệp là 4.991,29 ha, tăng so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 17,32 ha, trong đó:

+ Diện tích đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã là 1.942,36 ha, tăng 4,23 ha (trong đó: đất giao thông là 1.455,31 ha, giảm 0,44 ha; đất

thủy lợi là 205,03 ha, giảm là 0,73 ha; đất công trình năng lượng 12,42 ha, tăng 0,50 ha; đất cơ sở tôn giáo là 16,73 ha, tăng 0,10 ha; đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng là 128,55 ha, tăng 4,80 ha);

- + Diện tích đất ở tại nông thôn là 794,85 ha, tăng 12,88 ha;
- + Diện tích đất ở tại đô thị là 45,19 ha, tăng 0,01 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan là 20,71 ha, tăng 0,40 ha;
- + Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng là 334,35 ha, giảm 0,20 ha;

Chỉ tiêu các loại đất khác giữ nguyên theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đoan Hùng đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Biểu 01: Chỉ tiêu diện tích các loại đất điều chỉnh, bổ sung trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đoan Hùng

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích điều chỉnh, bổ sung KHSDD2023 (ha)	Diện tích điều chỉnh, bổ sung KHSDD2023 (lần 2) (ha)	So sánh tăng, giảm (ha)
I	LOẠI ĐẤT		30.285,21	30.285,21	-
1	Đất nông nghiệp	NNP	25.227,15	25.209,83	-17,32
	<i>Trong đó:</i>				
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.909,29	3.893,57	-15,72
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2.753,81</i>	<i>2.738,39</i>	<i>-15,42</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	933,19	927,22	-5,97
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	7.051,22	7.056,54	5,32
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	265,01	265,01	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	606,81	606,81	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	12.116,84	12.116,09	-0,75
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	313,18	312,98	-0,20
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	31,61	31,61	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.973,97	4.991,29	17,32
	<i>Trong đó:</i>				
2.1	Đất quốc phòng	CQP	267,95	267,95	-
2.2	Đất an ninh	CAN	25,99	25,99	-
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	186,27	186,27	-
2.4	Đất thương mại dịch vụ	TMD	22,84	22,84	-
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	77,08	77,08	-
2.6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	35,42	35,42	-
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.938,13	1.942,36	4,23
	<i>Trong đó:</i>				
-	Đất giao thông	DGT	1.455,75	1.455,31	-0,44
-	Đất thủy lợi	DTL	205,76	205,03	-0,73
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1,99	1,99	-
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	21,63	21,63	-
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	68,56	68,56	-

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích điều chỉnh, bổ sung KHSDĐ2023 (ha)	Diện tích điều chỉnh, bổ sung KHSDĐ2023 (lần 2) (ha)	So sánh tăng, giảm (ha)
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	12,39	12,39	-
-	Đất công trình năng lượng	DNL	11,92	12,42	0,50
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	1,53	1,53	-
-	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	3,56	3,56	-
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	6,39	6,39	-
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	16,63	16,73	0,10
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	123,75	128,55	4,80
-	Đất chợ	DCH	8,27	8,27	-
2.8	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	24,16	24,16	-
2.9	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	0,93	0,93	-
2.10	Đất ở tại nông thôn	ONT	781,97	794,85	12,88
2.11	Đất ở tại đô thị	ODT	45,18	45,19	0,01
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,31	20,71	0,40
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	22,84	22,84	-
2.14	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	5,58	5,58	-
2.15	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.175,06	1.175,06	-
2.16	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	334,55	334,35	-0,20
3	Đất chưa sử dụng	CSD	84,09	84,09	-

2. Danh mục dự án điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đoan Hùng

Tổng số dự án: 15 dự án, trong đó: 12 dự án bổ sung và 03 dự án điều chỉnh.

(Chi tiết theo phụ biểu kèm theo Quyết định).

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đoan Hùng; tham mưu thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh quyết định theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

2. UBND huyện Đoan Hùng có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố công khai điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất; đôn đốc chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 theo đúng quy định của pháp luật đất đai hiện hành.

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất, giải quyết kịp thời các tranh chấp về đất đai, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai, vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ban hành. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng cơ quan: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ, Công ty Điện lực Phú Thọ, UBND huyện Đoan Hùng và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trọng Tấn

**PHỤ BIỂU: DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023
TRÊN ĐỊA HUYỆN ĐOAN HÙNG (lần 2)**

(Kèm theo Quyết định số: 2459/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh Phú Thọ)

STT	Tên dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào các loại đất												Căn cứ pháp lý
					LUC	LUK	HNK	CLN	RSX	NTS	ONT	ODT	DGT	DTL	DGD	MNC	
A	Các công trình bổ sung			24,41	16,27	-	5,60	0,35	0,75	0,20	0,04	-	0,44	0,58	-	0,20	
I	Đất xây dựng trụ sở cơ quan			0,40	-	-	-	-	-	0,20	-	-	-	-	-	0,20	
1	Xây dựng trụ sở công an xã Hợp Nhất	Xã Hợp Nhất	Công an tỉnh Phú Thọ	0,20												0,20	Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030; đề án 1311/ĐA-UBND ngày 13/4/2023 của UBND tỉnh Phú Thọ về đảm bảo cơ sở vật chất cho công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ
2	Xây dựng trụ sở công an xã Hùng Xuyên	Xã Hùng Xuyên	Công an tỉnh Phú Thọ	0,20						0,20							
II	Dự án tái định cư			12,32	9,40	-	1,10	0,25	0,67	-	-	-	0,32	0,58	-	-	
3	Xây dựng khu Tái định cư thuộc dự án Cụm công nghiệp Nam Đoàn Hùng	Xã Tiêu Sơn	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Đoàn Hùng - UBND huyện Đoàn Hùng	5,25	4,10		0,90							0,25			Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ
		Xã Vân Đồn		6,40	5,30		0,20	0,25				0,32	0,33				
4	Dự án Xây dựng khu tái định cư xen ghép tại khu Gò Bom, khu Tân Thành, xã Vân Du	Xã Vân Du	UBND huyện Đoàn Hùng	0,67					0,67								Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ;
III	Dự án xây dựng cơ sở tôn giáo			0,10	0,01	-	-	0,04	0,01	-	0,04	-	-	-	-	-	
5	Xây dựng nhà thờ và các công trình phụ trợ giáo họ Tân Tích	xã Bằng Doãn	Toà giám mục Hưng Hoá	0,10	0,01			0,04	0,01		0,04						Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ;
IV	Dự án xây dựng nghĩa trang, nghĩa địa			4,80	0,50	-	4,30	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
6	Xây dựng nghĩa trang (thuộc dự án Cụm công nghiệp Nam Đoàn Hùng)	khu 1, khu 2, xã Vân Đồn	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Đoàn Hùng - UBND huyện Đoàn Hùng	4,80	0,50		4,30										Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ;

STT	Tên dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Tổng diện tích (ha)	Sử dụng vào các loại đất												Căn cứ pháp lý
					LUC	LUK	HNK	CLN	RSX	NTS	ONT	ODT	DGT	DTL	DGD	MNC	
		Xã Minh Phú	Hộ gia đình, cá nhân	0,77	0,77												
B	Công trình, dự án điều chỉnh diện tích, loại đất																
I	Dự án kế hoạch được duyệt			2,60	1,02	0,02	1,19	0,02	-	0,25	-	0,01	-	-	0,09	-	
1	Dự án trụ sở cơ quan			0,29	0,15	0,02	-	0,02	-	-	-	0,01	-	-	0,09	-	
1.1	Xây dựng trụ sở làm việc và kho vật chứng cho Chi cục Thi hành án huyện Đoàn Hùng	Thị trấn Đoàn Hùng	Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ	0,29	0,15	0,02		0,02				0,01			0,09		Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Phú Thọ
2	Đất ở tại nông thôn			0,36	0,08	-	0,03	-	-	0,25	-	-	-	-	-	-	
2.1	Khu dân cư nông thôn khu Đồng Bóp (trong đó: đất ONT 0,20 ha; đất hạ tầng 0,16 ha)	Xã Vân Đồn	UBND huyện Đoàn Hùng	0,36	0,08		0,03			0,25							Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 25/7/2022 của HĐND tỉnh Phú Thọ
3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp			1,95	0,79	-	1,16	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3.1	Nhà máy chế biến gỗ Tín Đức Vinh	Xã Vân Đồn	Công ty cổ phần Tín Đức Vinh	1,95	0,79		1,16										Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Phú Thọ
II	Dự án sau điều chỉnh			2,60	0,19	0,30	1,57	0,05	-	0,25	-	0,00	-	0,15	0,09	-	
1	Dự án trụ sở cơ quan			0,29	0,15	-	-	0,05	-	-	-	0,00	-	-	0,09	-	
1.1	Xây dựng trụ sở làm việc và kho vật chứng cho Chi cục Thi hành án huyện Đoàn Hùng	thị trấn Đoàn Hùng	Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ	0,29	0,15			0,05				0,00			0,09		Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Phú Thọ
2	Đất ở tại nông thôn			0,36	0,04	-	0,07	-	-	0,25	-	-	-	-	-	-	
2.1	Khu dân cư nông thôn khu Đồng Bóp (trong đó: đất ONT 0,20 ha; đất hạ tầng 0,16 ha)	Xã Vân Đồn	UBND huyện Đoàn Hùng	0,36	0,04		0,07			0,25							Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 25/7/2022 của HĐND tỉnh Phú Thọ
3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp			1,95	-	0,30	1,50	-	-	-	-	-	-	0,15	-	-	
3.1	Nhà máy chế biến gỗ Tín Đức Vinh	Xã Vân Đồn	Công ty cổ phần Tín Đức Vinh	1,95		0,30	1,50							0,15			Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Phú Thọ